

Bản án số: 1569/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu PH

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Nhanh

2/ Ông Phạm Văn Thanh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4955/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 8 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1974 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: Phường 12, quận B, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1970 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: 2 Lea Rd Koondoola, WA 6064, Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành L kết hôn năm 1999 theo giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 24/11/1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con cái cũng như sắp xếp việc ổn định công việc của mỗi người. Hai bên đã nhiều lần tự hòa giải và được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không có pH án giải quyết dẫn đến tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2018 ông L sang Úc sinh sống và làm việc, từ đó hai bên ít liên lạc và ít quan tâm nhau, việc nói chuyện với nhau cũng khó khăn hơn, từ năm 2019 đến nay do dịch Covid kéo dài ông L không trở về Việt Nam nên hai bên không có điều kiện hòa giải, hàn gắn. Trên thực tế hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc

sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Anh Khoa, sinh ngày 02/9/2003 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành L trình bày tại bản tự khai ngày 16/6/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Perth, Australia chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 127/2022/SCT/CK, ĐC – quyền số 01-SCT/CK, ĐC ngày 16/6/2022 có nội dung như sau: Ông và bà Nguyễn Thị Kim H kết hôn năm 1999 theo giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 24/11/1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn ông thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Thị Kim H. Ông được biết bà Nguyễn Thị Kim H đang yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Anh Khoa, sinh ngày 02/9/2003 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H, bị đơn ông Nguyễn Thành L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thành L đang cư trú tại Australia, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; Điều 38 ; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H, bị đơn ông Nguyễn Thành L đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H, bị đơn ông Nguyễn Thành L có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 24/11/1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thành L trình bày: Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con cái cũng như sắp xếp việc ổn định công việc của mỗi người. Hai bên đã nhiều lần tự hòa giải và được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không có pH án giải quyết dẫn đến tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2018 ông L sang Úc sinh sống và làm việc, từ đó hai bên ít liên lạc và ít quan tâm nhau, việc nói chuyện với nhau cũng khó khăn hơn, từ năm 2019 đến nay do dịch Covid kéo dài ông L không trở về Việt Nam nên hai bên không có điều kiện hòa giải, hàn gắn. Trên thực tế hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay

Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông L, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về phía ông Nguyễn Thành L có bản tự khai ngày 16/6/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Perth, Australia chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 127/2022/SCT/CK, ĐC – quyền số 01-SCT/CK, ĐC ngày 16/6/2022, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu tH, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Do điều kiện khách quan nên thực tế vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thành L đã không còn chung sống dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Kim H xin ly hôn và ông Nguyễn Thành L đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thành L khai có 01 con chung tên Nguyễn Anh Khoa, sinh ngày 02/9/2003 hiện đã trưởng thành nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thành L đều khai không có nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thành L được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

2/ Về con chung : Có 01 con chung tên Nguyễn Anh Khoa, sinh ngày 02/9/2003 hiện đã trưởng thành

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002636 ngày 13/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Bà Nguyễn Thị Kim H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Ông Nguyễn Thành L được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND Phường 12, quận Bình Thạnh, Tp.HCM;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu PH

